

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Nguyễn Thanh Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thanh H, sinh năm 1992 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Luật sư Võ Minh T thuộc Văn phòng L1 - Chi nhánh H5 - Đoàn luật sư thành phố C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

- Bị đơn: Anh Trương Văn H1, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Hồ Thanh S (vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị N (vắng mặt)

3/ Ông Hồ Văn H2 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

4/ Chị Phạm Kim N1 (vắng mặt)

Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh

5/ Anh Võ Tấn L (vắng mặt)

Trú tại: Số C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Hồ Thanh H trình bày: Chị và anh Trương Văn H1 chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do không còn hoà hợp, không có tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm. Do tình cảm không còn chị H yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung, tên Nguyễn Trương Gia B, sinh ngày 24/02/2014. Chị H yêu cầu nuôi chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có chiếc xe Sirius biển số 95H1-560.74; đất vườn 10.000m² ở Tây Ninh do hai vợ chồng thuê thời gian 10 năm. Thời điểm hiện tại được 04 năm thuê. Về tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận.

Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng có nợ Anh Hồ Thanh S1 20.000.000 đồng, vợ chồng chia đôi trả số nợ này. Nợ Chị Phạm Kim N1 126.491.000 đồng; anh Võ Tấn L 52.900.000 đồng; Ông Hồ Văn H2 258.000.000 đồng; bà Trần Thị N 55.000.000 đồng, chị H đồng ý chị sẽ một mình trả các khoản nợ của ông S1, bà N, chị N1, anh L.

Tại các lời khai của bị đơn anh Trương Văn H1 trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 2013, và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không lớn, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung, tên Nguyễn Trương Gia B, sinh ngày 24/02/2014. Anh để chị H tiếp tục nuôi chung, anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có chiếc xe Sirius biển số 95H1-560.74 đứng tên chị H, chị H đang quản lý, ngoài ra vợ chồng không có tài sản nào khác. Tài sản anh không yêu cầu gì, chiếc xe để chị H sử dụng.

Về nợ chung: Anh H1 khai vợ chồng có nợ chung nhưng không trình bày cụ thể tên địa chỉ của chủ nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Hồ Thanh S1 trình bày: Anh có cho vợ chồng chị H, anh H1 mượn 20.000.000 đồng, anh không yêu cầu trong vụ án này.

Hồ Văn H2 trình bày: Ông có cho vợ chồng chị H, anh H1 mượn 258.000.000 đồng, ông không yêu cầu trong vụ án này.

Bà Trần Thị N trình bày: Bà có cho vợ chồng chị H, anh H1 mượn 55.000.000 đồng, bà không yêu cầu trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Tấn L và chị Phạm Kim N1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo địa chỉ mà nguyên đơn chị H đã cung cấp, tuy nhiên đương sự không đến Toà án để cho ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 theo quy định, nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm. Quá trình giải quyết vụ án anh H1 thì cho rằng anh còn thương vợ, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa anh H1 đồng ý ly hôn do chị H kiên quyết muốn ly hôn. Xét thấy chị H và anh H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị H và anh H1 thuận tình ly hôn là có cơ sở.

[2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 24/02/2014. Anh H1, chị H thống nhất để chị H nuôi chung, và cháu B cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Nên Hội đồng xét xử giao cháu H3 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên anh H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị H, anh H1 không yêu cầu tài sản chung nên Không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ: Theo lời khai của chị H, chị và anh H1 có nợ tiền của anh S1, ông H2, bà N, anh L, chị N1. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án này. Do đó, vấn đề nợ sẽ xem xét giải quyết thành vụ án khác khi các bên có tranh chấp.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thanh H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thanh H và anh Trương Văn H1.

Về con chung: Giao cháu Trương Gia B, sinh ngày 24/02/2014 cho chị Hồ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Anh H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H, anh H1 tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002859 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh